

Tập 13

Xin coi A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang thứ mười bốn:

(Sớ) Kim vân tự tánh, thả chỉ Phật tánh nhi ngôn dã. Tánh nhi viết Tự, pháp nhĩ như nhiên, phi tác đắc cố, thị ngã tự kỷ, phi thuộc Tha cố. Thử chi tự tánh, cái hữu đa danh, diệc danh Bốn Tâm, diệc danh Bốn Giác, diệc danh Chân Tri, diệc danh Chân Thức, diệc danh Chân Như, chúng chúng vô tận. Thống nhi ngôn chi, tức đương nhân linh tri linh giác bốn cụ chi nhất tâm dã. Kim minh bất khả tư nghị giả, duy thử tâm nhĩ, cánh vô dư vật hữu thử bất tư nghị thể dữ tâm đồng dã.

(Diễn) Thả chỉ Phật tánh nhi ngôn giả.

(疏)今云自性，且指佛性而言也。性而曰自，法爾如然，非作得故；是我自己，非屬他故。此之自性，蓋有多名，亦名本心，亦名本覺，亦名真知，亦名真識，亦名真如，種種無盡，統而言之，即當人靈知靈覺本具之一心也。今明不可思議者，惟此心耳，更無餘物有此不思議體與心同也。

(演)且指佛性而言者。

(Sớ: Nay nói tới tự tánh là nói về Phật tánh mà thôi! Tánh được gọi là Tự, do pháp vốn sẵn như vậy, chẳng phải do làm mà có, nó là chính mình, nên chẳng thuộc gì khác. Do vậy, tự tánh này có nhiều danh, còn gọi là Bốn Tâm, còn gọi là Bốn Giác, còn gọi là Chân Tri, còn gọi là Chân Thức, còn gọi là Chân Như, vô tận các thứ tên gọi. Nói tóm lại, nó chính là nhất tâm trọn đủ linh tri linh giác của con người. Nay giảng về ý nghĩa “chẳng thể nghĩ bàn” thì chỉ có cái tâm này, chứ không còn vật nào khác mà có cái Thể (bản thể) chẳng thể nghĩ bàn giống như tâm được!

Diễn: “Nói về Phật Tánh” là...)

Nghĩa lý của đoạn này quả thật chẳng cùng tận, những điều này đều do “*bát khả tư nghị*” trong phần trên mà có, nhất là đại sư đã bảo “*bát khả tư nghị*” là tên gọi tột bậc của lý tột cùng, đều là dựa trên bản kinh này và tựa đề kinh này để mà nói. Kinh này vốn có tên là Xưng Tán Bát Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

(Diễn) Tự tánh thật thông nhị chủng.

(演) 自性實通二種。

(Diễn: Thật ra, Tự tánh gồm cả hai thứ).

Phật Tánh và Pháp Tánh đều là tự tánh.

(Diễn) Nhược nhân dục thức Chân Không lý, tâm nội Chân Như hoàn biến ngoại, tình dữ vô tình đồng nhất thể, xú xú giai đồng Chân pháp giới.

(演) 若人欲識真空理，心內真如還遍外，情與無情同一體，處處皆同真法界。

(Diễn: Nếu ai muốn biết lý Chân Không, Chân Như trong tâm trọn khắp bên ngoài, hữu tình và vô tình có cùng một Thể, chỗ nào cũng đều là Nhất Chân Pháp Giới).

Hãy nên học thuộc bốn câu này, toàn bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chỉ nói về chuyện này. Tâm Kinh cũng nói về chuyện này. Thông suốt chân nghĩa của bốn câu này thì cảnh giới của quý vị sẽ khác hẳn, sẽ chuyển được cảnh giới. Chuyển cảnh giới gọi là tiêu nghiệp chướng. Nếu từng tiếng Phật hiệu của chúng ta đều chuyển được cảnh giới, đây là tiêu nghiệp chướng. Nếu Phật hiệu chẳng chuyển được cảnh giới, sẽ chẳng thể tiêu nghiệp chướng. Vì sao có người tiêu được, có người chẳng tiêu? Vấn đề là ở chỗ quý vị có hiểu hay là không, tức là có hiểu được diệu lý trong ấy hay không? Nếu quý vị hiểu được diệu lý trong ấy, mỗi câu đều có thể tiêu nghiệp chướng, chẳng giả tí nào. Đây thật sự là công đức vô lượng!

(Diễn) Kim vân nhĩ giả, dẫn dĩ thử kinh trọng nhất tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh.

(演) 今云爾者，但以此經重一心念佛求願往生。

(Diễn: Nay nói như thế, chỉ vì kinh này chú trọng nhất tâm niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh).

Câu này hết sức quan trọng. Kinh Di Đà và pháp môn này đặc biệt chú trọng “nhất tâm niệm Phật”. Bốn chữ này quyết định chẳng để coi thường! Chúng ta bình thường ngày ngày niệm Phật, vì sao Phật hiệu chẳng thể chuyển cảnh giới, chẳng thể tiêu nghiệp chướng? Vì không dùng nhất tâm! Do vậy, Phật hiệu chẳng đắc lực! Nếu quý vị nhất tâm niệm, đương nhiên Phật hiệu sẽ đắc lực. Nói một cách đơn giản nhất, nói “nhất tâm” chính là trong một câu Phật hiệu không có phân biệt, không có chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó gọi là “nhất tâm niệm”. Một mặt niệm Phật, một mặt suy nghĩ loạn xạ, chẳng những không thể tiêu nghiệp chướng mà niệm niệm đều tạo nghiệp. Niệm Phật mà vẫn khởi vọng tưởng, vẫn suy nghĩ loạn xạ, tức là tạo nghiệp to lớn. Do vậy, phải biết: Nhất tâm niệm Phật. Niệm Phật để làm gì? “Cầu nguyện vãng sanh”, chẳng có ý niệm thứ hai, một lòng, một dạ mong cầu Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, nhất định phải biết thế giới này khổ sở, thế giới này đáng sợ!

Tham luyến thế giới này là ngu si! Vì sao? Tận hư không, trọn pháp giới đều do chính mình tạo. Ví như quý vị xây một cao ốc, toàn bộ cao ốc đó là của quý vị, quý vị lại chỉ khư khư yêu mến một căn phòng nhỏ, cho căn phòng nhỏ đó là chính mình, còn những nơi khác đều chẳng cần đến. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo” (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thấy chỉ do tâm tạo). Tây Phương Cực Lạc thế giới do cái tâm của chính mình biến hiện, thế giới Sa Bà cũng do tự tâm biến hiện, thế giới Hoa Tạng vẫn do tự tâm biến hiện. Tận hư không, trọn pháp giới chỉ là chính mình. Cái thân thể được biến hiện này có chỗ thanh tịnh, có chỗ ô uế. Chỗ thanh tịnh kẻ ấy không ưa thích, lại rất yêu mến chỗ ô uế. Kẻ như vậy chẳng phải là ngu si ư? Chỉ cần có thiên lệch thì là bệnh rồi!

Thiên ái (yêu thích đặc biệt) là Biên Kiến trong Kiến Hoặc, chấp trước một bên. Chuyện này chẳng phải là phiền phức ư? Quý vị chưa thể phá trừ thứ Biên Kiến này. Nói cách khác, thứ Kiến Hoặc thấp nhất mà chưa thể đoạn được, còn nói gì nữa đây? Đoạn xong Kiến Hoặc, nếu chẳng cầu sanh về Tây Phương Tịnh Độ, sẽ chẳng thể vượt thoát sanh tử luân hồi, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo thì khi

quý vị sanh sang đời khác, công phu chưa phải là bất thoái chuyển, Bồ Tát còn mê khi cách ăm, hướng chi quý vị mới có tí xú công phu lông gà vỏ tỏi như vậy, thắm vào đâu? Hễ đâu thai, sẽ quên sạch sành sanh đời trước, còn có thể tiếp tục nỗ lực nữa hay không? Điều này tùy thuộc duyên phận của quý vị, không nhất định là có thể [tiếp tục tu tập]! Do vậy, phải hiểu thế giới Sa Bà là đường hiểm, tức là con đường hết sức nguy hiểm, ở trong đó, quý vị thật sự gặp được thiện hữu, thiện tri thức, có thể tự giác ngộ, dụng công tu hành trong ấy sẽ rất nhanh chóng, thành tựu cũng cao. Nếu quý vị không gặp được [thiện hữu, thiện tri thức], chẳng thể y giáo phụng hành, lại trở thành hằng ngày khởi vọng tưởng, càng mê càng sâu, càng đọa càng khổ! Nhất định phải giác ngộ điều này.

Hai câu gồm tám chữ sau đây là cốt lõi để tu học kinh Di Đà: “*Nhất tâm niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh*”. Thích Ca Mâu Ni Phật nói kinh Di Đà là vì lẽ này, sáu phương chư Phật tán thán cũng nhằm tán thán điều này. Nếu chúng ta không hiểu hai câu “*nhất tâm niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh*”, hàm hồ đọc lướt qua, mười phương chư Phật tán thán, Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết kinh cho chúng ta uổng công! Tuy có nói với quý vị, nhưng quý vị chẳng đạt được. Quý vị nắm được hai câu này là nắm được toàn bộ bản kinh.

(Diễn) Nãi tá bỉ Phật cảnh, hiển ngã tự tâm cố.

(演) 乃借彼佛境顯我自心故。

(Diễn: Bèn mượn cảnh Phật ấy để hiển lộ tự tâm của ta).

Vì sao nhất định phải niệm Phật? Nhờ vào cảnh giới của A Di Đà Phật để hiển lộ chân tâm của chính mình. Chân tâm của chúng ta hiện còn đang mê, A Di Đà Phật giống như chuông buổi sớm, từng tiếng chuông khua vỡ ải mê, đánh thức chân tâm của chúng ta. Chuyện là như vậy đó! Do vậy, sáu chữ hồng danh chẳng thể nghĩ bàn! Trong phần trước, Liên Trì đại sư đã giảng rồi.

Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa của sáu chữ hồng danh là “quy y Vô Lượng Giác”. Khi quý vị niệm, cũng phải nhớ rõ. Mỗi tiếng đều nhắc nhở chính mình quy y Vô Lượng Giác, [hiện thời] sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần là mê chứ không giác. Tâm mê là nhiễm đắm. Tâm giác là thanh tịnh. Trong tâm mê có nhiều ý niệm, đây là phiền não, phân biệt, chấp trước, vọng tưởng vô lượng, vô biên. Tâm ấy là tâm mê,

trong tâm giác không có những thứ đó. Lục Tổ nói “*vốn chẳng có một vật*”.

Khi nào sẽ giác ngộ? Tâm thanh tịnh, chẳng có một vọng niệm nào. Cảnh giới bên ngoài thứ gì cũng hiểu rõ, chẳng những hiểu rõ cảnh giới ở ngay trước mắt, mà quá khứ cũng hiểu rõ, tương lai cũng hiểu rõ, đây là thần thông hiện tiền. Không có gì chẳng hiểu rõ, vừa thấy liền hiểu rõ. Quá khứ, vị lai, hiện tại, ba đời, mười phương rõ rệt, rành rẽ, minh bạch, một niệm chẳng sanh, đây là tướng giác ngộ. Chúng ta hãy tự mình phản tỉnh coi chúng ta có giác ngộ hay không? Vẫn còn có vọng niệm! Có vọng niệm là chẳng giác. Chẳng giác thì dùng phương pháp niệm Phật để đánh thức chính mình hãy giác ngộ. Do vậy, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, niệm Phật là bậc nhất, là phương pháp trực tiếp thỏa đáng nhất để đánh thức giác tâm của quý vị. Đây là giảng rõ vì sao phải dùng phương pháp này; do vậy, tự tánh được nói đến ở đây chính là...

(Diễn) Thả chỉ hữu tình Phật Tánh.

(演) 且指有情佛性。

(Diễn: Nhằm chỉ Phật Tánh của hữu tình).

Nhằm ý nghĩa này. Tiếp theo, sách Diễn Nghĩa giải thích câu “*Tánh nhi viết Tự, pháp nhĩ như nhiên, phi tác đắc cố*”.

(Diễn) Tánh nhi viết Tự, Tự hữu nhị nghĩa: Nhất, tự nhiên chi tự; nhị, tự kỷ chi tự.

(演) 性而曰自，自有二義：一、自然之自，二、自己之自。

(Diễn: “Tánh nói là Tự” thì chữ Tự có hai nghĩa: Một, tự là tự nhiên; hai, tự là tự kỷ (chính mình).

“Tự” được giảng theo cách nào? “Tự” có hai ý nghĩa: Một ý nghĩa là tự nhiên, tự nhiên là chẳng phải do tạo tác. Một ý nghĩa khác là “tự kỷ” (chính mình), [tức là] chẳng phải do ai khác. Tự tánh có cả hai ý nghĩa này, hai ý nghĩa này đều viên mãn.

(Diễn) Pháp nhĩ như nhiên phi tác đắc giả.

(演) 法爾如然非作得者。

(Diễn: “Pháp vốn là như vậy, chẳng phải do làm mà có” là...)

“Pháp nhĩ tự nhiên” có nghĩa là tự nhiên, “phi tác đắc giả” là chẳng do tạo tác.

(Diễn) **Diệu tánh thiên nhiên, bất nhân tu đắc, mê thời vô thất, ngộ thời vô đắc, hữu vật hồn thành, bản tự như như cố. Thử tự nhiên chi tự dã.**

(演) 妙性天然，不因修得，迷時無失，悟時無得，有物渾成，本自如如故。此自然之自也。

(Diễn: **Diệu tánh tự nhiên có sẵn, chẳng do tu mà đạt được. Lúc mê chẳng mất, khi ngộ chẳng được, tự nhiên sanh thành, vốn tự như như. Đây chính là chữ Tự hiểu theo nghĩa tự nhiên.**)

Mấy câu này phải nói, vì nếu không nói, sợ [người nghe] sẽ không thấy được ý nghĩa. “Tánh” là thật, quyết định chẳng phải là hư vọng. Nó là chính mình, là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Dùng danh từ nhà Phật để nói thì hết thấy các pháp, y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do nó biến hiện. Núi sông và đại địa do thứ gì tạo ra? Là do nó tạo. Nó thật sự là Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa, hóa công). Nói Thượng Đế là tạo vật chủ là giả, vì Thượng Đế cũng do nó tạo. Ai tạo nên Thượng Đế? Tự tánh tạo ra Thượng Đế. Do vậy, Thượng Đế trọn chẳng phải là Tạo Vật Chủ thật sự. Tạo Vật Chủ thật sự là “tự tánh”. Do vậy, nó được gọi là “diệu”. Diệu là vì nó có thể tạo, nó không có tướng, nhưng có thể hiện hết thấy tướng, đó là diệu! Trong kinh Đại Thừa nói “duy tâm sở hiện”. Tánh còn gọi là Tâm, còn gọi là Thức, đều là cùng một chuyện. Chúng ta thường nói tới bản tánh, đó là nói đến tánh này theo mặt Thể; nếu nói Tâm hay Thức là nói theo mặt tác dụng. Thể và Dụng là một, chẳng phải hai. Tánh có thể hiện, Thức có thể biến. Duy tâm sở hiện, hiện tướng; trong Tướng có những sự biến hóa và Thức cũng biến ở nơi đó.

Quý vị phải hiểu: Trong Tướng là một vị bình đẳng. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “Cảnh vô hảo xú” (cảnh không tốt xấu), Cảnh là cảnh giới, là tướng bên ngoài. Ngũ Căn: Mắt, mũi, tai, lưỡi, thân, Lục Trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đây là Tướng, là Sắc Pháp. Trong Sắc

Pháp chẳng có tốt hay xấu, hoàn toàn là bình đẳng, thật sự bình đẳng. Tốt - xấu không có tiêu chuẩn, mỗi người có tiêu chuẩn riêng. Tiêu chuẩn do đâu mà có? Tiêu chuẩn từ cái Thức của quý vị biến ra, từ trong Thức sanh ra. Tâm chẳng sanh, trong tâm chẳng có một pháp nào, chẳng lập một pháp! Trong Thức kiến lập các thứ tiêu chuẩn, mỗi người kiến lập tiêu chuẩn khác nhau. Nói cách khác, quan niệm thâm mỹ và đối tượng ưa thích của mỗi người không giống nhau. Mỗi người là một tiêu chuẩn, hóa ra, chẳng có tiêu chuẩn gì hết!

Do vậy, đại sư nói: “*Kẻ ngu trừ cảnh, chẳng trừ tâm. Người trí trừ tâm, chẳng trừ cảnh*”. Người giác ngộ bỏ điều gì? Trừ khử thức tâm, cái thức tâm ấy có thể biến, người ấy bỏ đi cái tâm đó, chứ không trừ khử cảnh giới bên ngoài. Do vậy, người ấy đạt được gì? Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, thật sự tự tại. Kẻ ngu nhất định phải tìm hoàn cảnh tốt đẹp, hoàn cảnh lý tưởng, cầu pháp ngoài tâm; chẳng thay đổi tâm lý của mình thì dầu tìm được Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn khổ não! Vì sao? Vẫn [cảm thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới] chẳng phải là nơi lý tưởng trọn vẹn! Tìm hoàn cảnh lý tưởng ở nơi đâu? Tìm ngay trong tâm địa, nếu tìm nơi cảnh giới bên ngoài sẽ chẳng tìm được! Tìm hoàn cảnh lý tưởng nơi cảnh giới bên ngoài là tìm mệt chết luôn! Từ vô lượng kiếp đến nay, quý vị luôn tìm kiếm, tìm cho đến bây giờ vẫn tìm không ra. Sau này lại tìm trong vô lượng kiếp, vẫn tìm chẳng được, vĩnh viễn chẳng thể tìm được! Phải hiểu điều này. Do vậy, người thông minh, tâm đã bình đẳng, cảnh sẽ bình đẳng. Tâm lành, cảnh giới đều lành. Tâm ác, nhìn thấy cảnh giới bên ngoài đều là ác. Tâm thiện, nhìn cảnh giới bên ngoài đều thiện. Do vậy, đức Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát thấy hết thấy chúng sanh đều là Bồ Tát, phàm phu thấy Phật, Bồ Tát cũng là phàm phu.

“*Diệu tánh thiên nhiên, bất nhân tu đắc*” (Diệu tánh thiên nhiên, chẳng do tu mà có): Tánh ấy là diệu hay chẳng diệu? Quá diệu! Nó có thể biến hiện hết thấy hiện tượng, nhưng sự biến hiện ấy là tự nhiên, chẳng do tu mà có được. “*Thiên nhiên*” là nói tới diệu tánh, tánh là sẵn có, danh từ Phật học gọi điều này là “*pháp nhĩ như thị*” (pháp vốn sẵn là như vậy). Ở đây nói là “*pháp nhĩ như thiên*”. “*Nhiên*” có nghĩa là “*thị*” (đúng vậy). Pháp vốn sẵn là như vậy, pháp vốn sẵn đúng như vậy, từ ngữ này thường thấy trong kinh Phật. “*Pháp nhĩ như thiên*”, đã vốn có nghĩa là tự nhiên, vì sao chẳng viết là tự nhiên? Nếu viết là thiên nhiên, chúng ta vừa đọc sẽ hiểu ngay ý nghĩa của chữ “*pháp nhĩ*” này; nếu không, chúng ta sẽ bị mê hoặc. Cổ đại đức dịch kinh chẳng dễ dàng, vì chúng ta

quen thói nói “tự nhiên”. Đồi lập với tự nhiên là nhân duyên; nói chung, [nói “*tự nhiên*”] sẽ rớt vào hai bên. Vì làm cho chúng ta khỏi rớt vào hai bên nên mới lập ra danh xưng “*pháp nhĩ như nhiên*”, mong chúng ta nghe rồi sẽ chẳng rớt vào hai bên, ở đây có ý nghĩa sâu xa như vậy.

Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Phi nhân duyên, phi tự nhiên, pháp nhĩ như thị*” (Chẳng phải là nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, pháp vốn sẵn như vậy). Chẳng rớt vào hai bên, bắt đắ dĩ gọi là “*diệu tánh*”. Nó chẳng phải do tu mà có được, nó là sẵn có. Hiện thời quý vị có [diệu tánh ấy] hay không? Có chứ! Hoàn toàn hiển lộ ngay trước mặt. Tuy hiển lộ, chính quý vị chẳng nhận biết, vậy thì làm sao được nữa đây! Chư Phật, Bồ Tát thấy rất rõ ràng. Do vậy, Phật thấy quý vị là Phật, Phật và kẻ khác chẳng hai; Bồ Tát thấy quý vị là Bồ Tát, quý vị và các Ngài chẳng có chỗ nào khác biệt, nhưng do quý vị tự mình mê nên không có cách nào hết! Tự mình mê là như thế nào? Quý vị tự khởi tâm động niệm, chính quý vị suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, đó là tự mình mê. Vì sao Phật, Bồ Tát chẳng mê? Phật, Bồ Tát chẳng có ý niệm nào. Thích Ca Mâu Ni Phật hằng ngày thuyết pháp, nói suốt bốn mươi chín năm mà chẳng nói một chữ nào, quý vị có tin hay không? Chẳng tin! Vì sao không tin? Do quý vị đang mê, mê rồi nên chẳng tin. Nếu quý vị giác ngộ, quý vị sẽ tin tưởng: Quả thật trong suốt bốn mươi chín năm, đức Phật chẳng nói một chữ, thật đấy! Khi nào thấy được chân tướng sự thật ấy, quý vị sẽ giác ngộ.

“*Mê thời vô thất, ngộ thời vô đắc*” (lúc mê chẳng mất, khi ngộ chẳng được). Nay chúng ta đang mê, diệu tánh thiên nhiên có bị mất hay không? Chẳng hề mất đi, suốt ngày từ sáng đến tối khởi tác dụng, khởi tác dụng mê hoặc điên đảo. Hễ giác ngộ, sẽ khởi tác dụng Bồ Đề Niết Bàn. Khi mê, hằng ngày khởi tác dụng sanh tử phiền não. Thật ra, “sanh tử, phiền não” và “Bồ Đề, Niết Bàn” là một, chứ không phải hai, đều là cùng một chuyện, đều là diệu tánh khởi tác dụng. Hễ ngộ thì gọi tên nó là Bồ Đề Niết Bàn, còn mê thì gọi là sanh tử phiền não. Chỉ thay đổi tên gọi, chứ vẫn có tác dụng đó. Thế nhưng mê hay ngộ sẽ cảm nhận khác biệt rất lớn. Hễ ngộ sẽ cảm nhận tự tại khôn sánh. Mê thì cảm thấy vô biên thống khổ, biển khổ không bờ mà! Khác nhau! Đã là lúc mê chẳng mất, đương nhiên khi giác ngộ cũng không được gì. Tâm Kinh đến cuối cùng, dạy: “*Vô trí, diệt vô đắc*” (Không có trí, mà cũng chẳng có đắc). “*Trí*” là cái trí có khả năng chứng, “*đắc*” là cái quả đạt được. Không có trí, cũng không có đắc, vì sao vậy? Bỏn tánh. Đã là thiên nhiên thì không có được hay mất. Trong ấy chỉ có mê hay ngộ, chứ không có được hay

mất. Mê là nó, mà ngộ cũng là nó. Nếu quý vị tham thấu chỗ này, mới hiểu mê và ngộ không hai, quý vị thật sự nhập cảnh giới ấy. Nếu quý vị nhận định mê và ngộ là hai pháp, có mê, có ngộ, lại tạo thành Biên Kiến. Đây là chỗ khó khăn trong Phật pháp, rất khó ngộ nhập chỗ này. Nói chung, quý vị chẳng đọa vào Có, sẽ đọa vào Không. Nói chung, quý vị đọa vào một bên. Khi nào có thể dứt sạch hai bên thì nhà Thiên gọi là “*tọa đoạn lưỡng đầu*”. Nhà Thiên nói đến chuyện tọa Thiên, công phu tọa Thiên đắc lực, đoạn được cả hai đầu (tức kiến giải nhị biên), sẽ nhập. Đoạn dứt cả hai bên, nhập pháp môn Bất Nhị thì mới có chỗ nhập (nhập xứ). Cái gọi là “*nhập xứ*” ấy chính là ngộ xứ, Thiên gia bảo là “*đại triệt đại ngộ*”, minh tâm kiến tánh. Nếu rớt vào hai bên thì chẳng được! Quý vị chẳng vào được cửa!

“*Hữu vật hỗn thành¹, bốn tự như như*”: Đây là hai câu nói của cổ nhân. “*Hữu vật*” là có thứ gì đó. Thứ gì cũng chẳng thể nói ra được, là vì nó chẳng có tên, chẳng có hình, chẳng có tướng, làm sao quý vị nói ra được? Nó quả thật là có, nhưng vật ấy là thiên nhiên diệu tánh, “*bốn tự như như*”, nó vốn sẵn như thế, ý nghĩa của nó là tự nhiên, pháp vốn sẵn như vậy. Ý nghĩa thứ hai là...

(Diễn) Thị ngã tự kỷ, phi thuộc Tha giả.

(演) 是我自己非屬他者。

(Diễn: “*Là chính ta chẳng thuộc ai khác*” là...)

Điều này cũng hết sức trọng yếu. Tự tánh gồm đủ hai ý nghĩa này, chẳng phải là chỉ có một ý nghĩa. Đối với hai ý nghĩa, quý vị lại cho rằng nó có hai bên thì lại hỏng mất rồi! Hai ý nghĩa này đều là tự tánh. Bản thân tự tánh trọn đủ hai ý nghĩa này, một tức là hai, hai tức là một. Nói đến ý nghĩa này nhằm đề đối phó với những người có khái niệm sai lầm mà nói vậy.

¹ “*Hồn thành*” (渾成 hoặc hỗn thành: 混成) là một danh từ trong Đạo Giáo, dựa theo ý câu nói của Lão Tử trong Đạo Đức Kinh: “*Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sanh*” (Có một vật tự nhiên sanh thành, sanh trước trời đất). Các nhà chú giải cho rằng “*hữu vật hỗn thành*” là chỉ cho đại đạo, cho thái cực, cho vũ trụ sơ khai, mang ý nghĩa tự nhiên sanh thành. Do vậy, “*hỗn thành*” thường được dùng với ý nghĩa là tự nhiên sẵn có.

(Diễn) Dĩ ngoại đạo, hoặc kế tự nhiên, hoặc kế nhân duyên, hoặc kế hư không, hoặc kế thiên dữ, bất nhất nhi túc.

(演)以外道，或計自然，或計因緣，或計虛空，或計天與，不一而足。

(Diễn: Do ngoại đạo hoặc phán định là tự nhiên, hoặc phán định là nhân duyên, hoặc phán định là hư không, hoặc phán định là trời ban, chẳng thể kể trọn từng điều được).

“Kế” (計) là “kế độ phân biệt” (tính toán, phân biệt). Kế độ phân biệt là thuật ngữ Phật học thường được sử dụng. “Kế” là kế giáo (tính toán, so sánh), nay chúng ta thường nói tới “kế toán”; [kế] là trong tâm tính toán, so sánh. “Độ” (度) là độ lượng (đo lường), phân biệt hết thấy pháp. [Nhu vậy, “kế độ” là] tính toán, so sánh trong ấy, đo lường trong ấy, suy nghĩ loạn xạ trong ấy: Hết thấy pháp có phải tự nhiên mà có hay chẳng? Hay là do nhân duyên sanh ra ư? Phật pháp nói tới nhân duyên, vì sao đức Phật nói nhân duyên? Phải biết: Đức Phật nói nhân duyên là một phương tiện thiện xảo, nhằm đối trị quan niệm “tự nhiên” (phủ định nhân quả). Thuở ấy, tại Ấn Độ, quá nửa bọn ngoại đạo chủ trương [mọi sự] tự nhiên mà có, hết thấy vạn pháp đều tự nhiên sanh thành. Phật nói “nhân duyên sanh pháp” (các pháp do nhân duyên sanh), nói như vậy để phá chấp trước “tự nhiên” của bọn họ.

Quý vị phải hiểu đạo lý này: Họ có một thứ chấp trước “tự nhiên” nên đức Phật dùng nhân duyên để phá chấp trước cho họ. Phá chấp trước xong, công cụ ấy cũng không cần thiết nữa. Nhân duyên sanh pháp là công cụ để phá [chấp trước] “tự nhiên”. Sau khi chấp trước tự nhiên đã phá sạch rồi, quý vị lại chấp vào nhân duyên sanh pháp, sẽ lại biến thành ngoại đạo, đó gọi là “môn lý ngoại”, tức là ngoại đạo ở ngay trong Phật môn. Chấp trước “vạn pháp tự nhiên mà có” thì là hàng ngoại đạo tại Ấn Độ. Chúng ta đã phá trừ nó, có người lại chấp vào “nhân duyên sanh pháp”, lại biến thành ngoại đạo trong Phật môn vì cầu pháp ở ngoài tâm. Trong Trung Quán Luận, Long Thọ Bồ Tát đã cực lực cứu vãn, nói “bất bất” (tám thứ không) với hy vọng uốn nắn cho đúng chánh kiến của chúng ta. Ngài đã giảng rõ đạo lý nhân duyên hết sức tường tận, thấu triệt: “Chư pháp bất tự sanh, diệc bất tùng tha sanh, bất cộng, bất vô nhân, thị cố thuyết vô sanh” (Các pháp chẳng tự sanh, cũng chẳng do những thứ khác mà sanh, chẳng chung, chẳng không có nhân, vì thế nói

vô sanh). Bài kệ này đã nêu ra tướng chân thật của hết thầy các pháp, đây cũng là “*phi nhân duyên, phi tự nhiên*” như kinh Lăng Nghiêm đã giảng.

Đức Phật nói hết thầy pháp, câu nào cũng đều chớ nên chấp trước. Do vậy, Mã Minh Bồ Tát dạy quý vị “*lià tướng ngôn thuyết, lià tướng danh tự, lià tướng tâm duyên*”, nghe như vậy mới có thụ dụng, mới có ngộ xứ. Nghe xong mới có thể giải ngộ. Nếu từ giải ngộ mà lập tức chuyển được cảnh giới, đây là chứng ngộ. Nếu nói là trong các buổi giảng, nếu nói ‘nghe kinh’ không được coi là tu hành, thì đây là lầm lẫn quá đỗi! Quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm, thấy cô Ma Đăng Già là phạm phu, cô ta nghe kinh được một nửa đã nghiệm nhiên chứng Tam Quả, chẳng tu hành mà có thể chứng quả ư? Nếu quý vị hiểu, vừa nghe liền thấu hiểu, thấu hiểu là giải ngộ; giải rồi, cảnh giới lập tức chuyển biến, chứng ngộ đây! Chuyển biến cảnh giới gọi là tu hành. Nếu coi đó như là một thứ học thuật thế gian để nghiên cứu, chấp trước tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, tướng tâm duyên, sẽ là “*kể chuyện ăn, đếm của báu*”, vô ích! Thật sự đạt đến “*lià hết thầy tướng, tức hết thầy pháp*”, nghe kinh có thể khai ngộ, có thể chứng quả. Nghe kinh cũng có thể thành Vô Thượng Bồ Đề.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như thế nào? Đến các nơi nghe những vị thiện hữu thuyết pháp, Ngài vừa nghe liền chuyển cảnh giới. Những pháp môn ấy là pháp môn tiệm tu (tu dần dần), từng tầng, từng tầng lần lượt nâng cao. Hiện thời, chúng tôi đã giảng đến quyển hai mươi hai của bộ kinh Hoa Nghiêm, [quyển ấy] nói về Lục Địa Bồ Tát. Thiện Tài hiện thời (ý nói Thiện Tài đang tham học ở chỗ vị thiện tri thức chứng đắc Lục Địa Bồ Tát) là Lục Địa Bồ Tát. Người nghe kinh chúng ta có theo kịp hay không? Ngài là Lục Địa, còn chúng ta đang ở địa vị nào? Phải theo kịp Ngài! Một bộ kinh Hoa Nghiêm đọc xong, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thành tựu thì bài thi mới được điểm trọn vẹn. Nghe xong bộ kinh Hoa Nghiêm, chính mình chứng được Sơ Trụ trong Viên Giác thì mới được coi là thi đậu. Người niệm Phật nghe xong kinh Hoa Nghiêm, công phu niệm Phật đạt đến Lý nhất tâm bất loạn thì mới được coi là thi đậu. Làm thế nào để theo kịp mức độ tiến triển? Trong ấy thật sự có niềm vui, pháp vị và pháp hỷ ấy chẳng thể diễn tả được, không có cách nào hình dung được. Nếu trong Phật pháp không có những niềm vui như vậy, còn ai đến học nữa? Người học Phật

là người thông minh bậc nhất trong thế gian, thật sự liễu giải Chân Đế trong vũ trụ, nhân sinh.

Có những kẻ chấp trước “*hết thấy pháp là tự nhiên mà có*”, có những kẻ chấp trước pháp “*do nhân duyên mà có*”, có kẻ chấp trước [hết thấy các pháp] là hư không. Chấp trước Không cũng là lầm lẫn. Những kẻ nào chấp trước Không? [Chư thiên trong] Tứ Không Thiên là kẻ chấp trước Không, chấp vào tướng Không. “*Thiên dũ*” (trời ban): Rất nhiều người chấp hết thấy đều do trời ban cho, do Thượng Đế ban tặng, do thần thánh ban tặng; đây là quan niệm sai lầm. “*Bất nhất nhi túc*” (Chẳng thể kẻ trọn từng điều): Tà tri, tà kiến quá ư là nhiều! Quý vị phải hiểu: Phật pháp dạy quý vị khôi phục những năng lực quý vị vốn sẵn có. Khi Lục Tô thành tựu đã nói rất rõ ràng: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn đầy đủ*”, vốn sẵn đầy đủ nên pháp nào cũng trọn đủ, chẳng có một pháp nào không trọn đủ, “*nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp*”, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là những vật được biến hiện bởi tự tánh. Thượng Đế, quý thân đều là những vật do tự tánh của chúng ta biến hiện, chúng ta không thể sai khiến họ mà lại ngược ngạo nghe theo lệnh của họ. Đây là mê hoặc, điên đảo, trong kinh Phật gọi là “*kẻ đáng thương*”, thật sự đáng thương! Trong Phật pháp, hết thấy các pháp đều quy về chính mình, chẳng dựa dẫm ngoại lực; tự ngộ, tự tu, tự chứng! Tuy Tịnh Độ gọi là pháp môn Nhị Lực, được Phật lực gia trì, nhưng Phật lực gia trì là kinh điển, kinh điển do đức Phật nói, Ngài dạy chúng ta lý luận, phương pháp, cảnh giới. Đó là Phật lực gia trì, trong ấy không có mê tín. Khi lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn là Phật lực gia trì, nhưng nếu chính bản thân chúng ta không nỗ lực, một mực ý vào sức Phật, đến cuối cùng nhất định sẽ chẳng được gì! Kẻ dựa dẫm quý, nhất định bị quý làm mê, kẻ dựa dẫm thần, nhất định bị thần lừa dối, làm nô dịch cho thần, đây là điên đảo vậy!

(Diễn) Thử giai mê kỷ, vị vật sở chuyển.

(演) 此皆迷己為物所轉。

(Diễn: Đấy đều là mê mất chính mình, bị sự vật xoay chuyển).

Câu kết luận này nói rất hay. Nếu quý vị muốn thâm nhập, nghiên cứu, thảo luận thì đạo lý này ở trong kinh Lăng Nghiêm. Người giác ngộ quyết chẳng bị vật chuyển! Chữ Vật bao gồm hết thấy cảnh giới ở ngoài thân mình, chúng thường nói là “*y báo và chánh báo trang nghiêm trong*

mười pháp giới”, dùng chữ Vật để làm đại diện, chẳng bị vật xoay chuyển. Chỉ có kẻ mê tự tánh bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, chúng ta nay đang là hạng người ấy. Mắt thấy sắc liền bị sắc chuyển, tai nghe tiếng liền bị tiếng chuyển, thật đáng thương! Mắt thấy sắc vừa ý mình bèn khởi tâm tham, chẳng vừa ý mình bèn khởi tâm nóng giận. Đây là bị nó xoay chuyển. Tai nghe tiếng, nghe vui tai, hay quá, thích nghe hoài! Đó là bị nó chuyển! Chẳng ưa nghe, nghe đâm ra chán ngấy, bị nó chuyển rồi! Khi nào có thể ở trong hết thấy âm thanh mà như như bất động? Nghe rõ ràng, rành rẽ, như như bất động, sẽ chẳng bị chuyển!

Nêu trong hết thấy cảnh giới, quý vị khởi phân biệt, khởi chấp trước, khởi tham, sân, si, mạn là bị cảnh giới chuyển. Bị cảnh chuyển sẽ tạo nghiệp. Chẳng bị cảnh chuyển, không tạo nghiệp. Chẳng tạo nghiệp thì chúng ta đặt cho nó cái tên là *“tịnh nghiệp”*. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *“Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai”* (Nếu chuyển được cảnh sẽ giống như Như Lai), đây chính là Phật, là Bồ Tát. Đại Bồ Tát kiến tánh, Ngài chuyển được cảnh, chẳng bị cảnh chuyển. Chúng ta nói tu hành, nói tới công phu, vậy công phu là gì? Chẳng bị cảnh chuyển, công phu thật sự đấy. Nơi nào cũng bị cảnh giới xoay chuyển, chỗ nào đáng kể là công phu? Nơi nào cũng bị cảnh giới xoay chuyển thì hãy nhớ: Không có cách nào vượt thoát luân hồi, quý vị dựa vào đâu để liễu sanh tử, thoát tam giới? Nơi nào cũng bị cảnh chuyển thì lại xin thưa với quý vị, chẳng dễ gì vãng sanh, đời nghiệp cũng không được. Đến lúc quý vị vãng sanh, lại bị cảnh giới lôi trở lại, quý vị vẫn chẳng đi được! A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, quý vị nói: *“Con còn chưa buông xuống được, còn có chuyện chưa giải quyết”*, A Di Đà Phật chẳng thể đợi quý vị, quý vị không vãng sanh được! Do vậy, điều này hết sức quan trọng, phải hiểu công phu là như thế nào. Mỗi ngày niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, lạy bao nhiêu lạy, lễ bao nhiêu bài sám, niệm bao nhiêu kinh, đây chẳng gọi là công phu mà gọi là khóa tụng! Niệm nhiều khóa tụng, chứ không có công phu! Giống như gì? Học hành cho nhiều, học hằng ngày, đi thi liền lãnh zéro, chẳng đậu. Thi đậu mới là công phu. Quý vị đi thi, điểm số là công phu, đạt điểm số cao, đây là công phu. Hằng ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, tâm vẫn bị cảnh chuyển thì cũng như không, hét toạc cuồng hống cũng ủng công!

Mỗi ngày một tiếng Phật hiệu cũng chẳng niệm, nhưng đối với cảnh giới nào cũng bất động, thì thưa với quý vị, người ấy gọi là người niệm Phật. Vì sao gọi người ấy là người niệm Phật? Người ấy không niệm Phật mà! Người ấy niệm Phật để làm gì? Niệm Phật để khỏi bị

cảnh chuyên, giác chứ không mê. Do người ấy là giác chứ không mê, nên người ấy không niệm vẫn là niệm. “Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm”, cảnh giới như vậy đây, phải hiểu lý! Thế nhưng trong cảnh giới ấy, người ấy có niệm Phật hay không? Người ấy nhất định niệm, vì sao người ấy niệm Phật? Nhằm dạy người khác niệm Phật. Đó là đại từ đại bi. Quả thật người ấy chẳng cần niệm, người ấy rất thanh tịnh, suốt ngày từ sáng đến tối là “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”. Thấy người ấy niệm Phật, kẻ khác cũng niệm Phật theo. Nhằm khuyên người khác niệm Phật, nêu gương cho người khác thấy, khiến cho người khác bắt chước theo, đó gọi là đại từ đại bi, là độ người khác, hóa tha.

Nếu một vị lão hòa thượng tu học pháp môn Tịnh Độ mà suốt ngày từ sáng đến tối chẳng niệm một câu Phật hiệu nào, người khác sẽ nói với vị ấy: “Thầy bảo chúng con niệm Phật mà thầy chẳng niệm gì hết, con niệm để làm chi?” Ân Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, tâm Ngài thanh tịnh lắm! Quý vị thấy lão nhân gia tay cầm râu chuôi, từ đầu năm đến cuối năm chưa hề buông ra, A Di Đà Phật luôn trên cửa miệng, chẳng ngưng nghỉ ngày nào, nêu gương cho người niệm Phật, nêu gương cho hàng sơ học. Tôi dạy quý vị niệm Phật thì tôi phải niệm hằng ngày, chứ không phải tôi chẳng niệm mà bảo quý vị niệm. Tôi niệm hằng ngày, tôi mới bảo quý vị niệm. Chúng ta là hàng sơ học thấy vậy tâm phục, khẩu phục, quả nhiên chẳng sai! Đây là Phật, Bồ Tát thân giáo (dạy bằng hành vi, cử chỉ nơi thân), Phật, Bồ Tát hy sinh mình vì người khác!

Phàm là có những suy nghĩ loạn xạ như đã kể trên đây, cầu tâm ngoài pháp, đều là “*mê mất chính mình, bị vật xoay chuyển*”, rất đáng thương!

(Diễn) Bất tri thủ tánh bản phi thiên giáng, bất thuộc địa sanh, diệc phi nhân dĩ.

(演) 不知此性本非天降，不屬地生，亦非人與。

(Diễn: Chẳng biết tánh này vốn chẳng do trời ban xuống, chẳng do đất sanh ra, cũng chẳng do ai tặng cho).

Diệu tánh thiên nhiên, chẳng phải do trời ban xuống, cũng chẳng phải do đất sanh ra. Nói thật ra, trời và đất đều là vật được biến hiện bởi diệu tánh của chính mình, chẳng có gì khác, đúng là chính mình. “*Cũng*

chẳng do ai tặng”, chẳng liên can đến ai, chẳng liên can đến Phật, Bồ Tát, hay hết thầy quỷ thần.

(Diễn) *Nãi đương nhân tự kỷ bất thuộc u tha cố, thử tự kỷ chi tự dã.*

(演) 乃當人自己不屬於他故，此自己之自也。

(Diễn: *Mà chính là bản thân người ấy, chẳng thuộc vào ai khác, đấy chính là Tự hiểu theo ý nghĩa “chính mình” vậy).*

Phải nhất định nhớ kỹ điều này. Nếu quý vị hiểu rõ, giác ngộ đạo lý này, sẽ gọi là chánh tri chánh kiến. Đó gọi là “nhận thức chính mình”. Nếu chẳng tham thấu triệt ý nghĩa này, quý vị hãy nghĩ mình nằm mộng: Trong mộng có đại địa, có trời, có hết thầy nhân vật, cũng có núi, sông, cây cối, hoa cỏ, chúng toàn là những vật do tự tâm của quý vị biến hiện ra. Hễ quý vị tỉnh giấc, hãy suy nghĩ xem có đúng hay không? Đúng! Toàn bộ cảnh trong mộng do tự tâm của ta biến hiện. Ở trong mộng, quý vị cũng mê hoặc, điên đảo y hệt, cũng đòi hỏi người khác, đấy là bị vật xoay chuyển. Mê chính mình, bị vật xoay chuyển, “*chính mình*” là gì? Toàn bộ cảnh giới là chính mình. Khi nào quý vị thật sự giác ngộ, khẳng định, thừa nhận: Tận hư không khắp pháp giới vốn là chính ta, thì thưa với quý vị, đó gọi là “*chứng đắc Pháp Thân*”, giống như trong mộng mà giác ngộ. Toàn bộ giác mộng đều do tâm ta biến hiện, toàn bộ cảnh trong mộng là chính mình, Phật pháp gọi đó là “*chứng đắc thanh tịnh Pháp Thân*”. Tâm thanh tịnh, tất cả cảnh giới chẳng hề không thanh tịnh. Thanh tịnh Pháp Thân bày ra trước mặt, chính mình chẳng nhận biết, mê hoặc, điên đảo. Ngay cả Lão Tử cũng có sự giác ngộ này: “*Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể*” (Trời đất và ta cùng gốc, vạn vật có cùng một thể với ta). Nhìn thấu tin tức này, quan sát được. Phật pháp là thật sự đích thân chứng được cảnh giới này, quả thật là chính mình, chứ không phải ai khác.

Tiếp theo đó, sách giải thích vì sao nó có nhiều danh từ như thế, tuy có nhiều danh từ nhưng đều là nói về cùng một chuyện. Đây là lời giải thích câu “*tự tánh, cái hữu đa danh, diệc danh Bản Tâm*” (tự tánh do vậy có nhiều tên, còn gọi là Bản Tâm).

(Diễn) *Đối vạn pháp viết Bản Tâm.*

(演) 對萬法曰本心。

(Diễn: Đối với muôn pháp bèn nói là Bốn Tâm).

“*Bốn*” là căn bản. Tâm là cái có thể hiện (năng hiện), vốn có thể hiện, vạn pháp là cái được hiện (sở hiện), vạn pháp là Tướng. Chúng ta lại lấy cảnh trong mộng để tỷ dụ. Vạn pháp giống như cảnh giới trong mộng, “*bốn tâm*” là cái tâm có thể biến hiện giấc mộng, cái tâm ấy có thể hiện cảnh trong mộng. Do vậy, đối với cảnh mộng mà nói thì đây là “*bốn tâm*”, ý nghĩa này quý vị dễ hiểu; nhưng làm thế nào để có thể hiểu tận hư không trọn pháp giới là do bốn tâm của chính mình biến hiện? Mấu chốt là ở chỗ này, đột phá được mấu chốt này sẽ ngộ nhập, nghiệp chướng gì cũng đều tiêu trừ. Vì sao? Chuyển được cảnh giới, chuyển tám thức thành bốn trí. Hễ đột phá cảnh giới sẽ chuyển cảnh giới. Thật ra không có cách nào, hãy niệm bốn câu kệ của kinh Kim Cang nhiều lượt: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, diệc như diễn, ưng tác như thị quán*” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế). Các văn sĩ thường nói “*nhân sanh như mộng*” (đời người như giấc mộng), câu nói ấy hết sức đúng với sự thật, sát sao! Đáng tiếc là họ nói được, nhưng chẳng nhập được cảnh giới ấy. Tuy họ nói câu ấy, họ vẫn đang mê, họ vẫn chẳng giác. Nếu đã giác ngộ, “*toàn bộ đời người là giấc mộng*”, trong mộng thì còn tranh giành cái gì? Trong mộng có gì là được - mất? Trong mộng còn có gì không buông xuống được? Trong mộng còn có gì chẳng nhìn thấy thấu suốt? Hết thấy đều buông xuống được, quý vị ngay lập tức thành Phật, thành Tổ. Trong kinh Phật thường dạy chúng ta hãy tưởng “*như mộng, như huyễn*”, thật đấy, chẳng giả đâu! Vì thế, cảnh trong mộng Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, đấy là tứ vô ngại pháp giới của Hoa Nghiêm, là cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Hễ giác thì sẽ là như vậy đó.

(Diễn) Đối Thỉ Giác viết Bốn Giác.

(演) 對始覺曰本覺。

(Diễn: Do đối ứng với Thỉ Giác mà nói là Bốn Giác).

Chúng ta mê, nay bắt đầu giác ngộ. Bắt đầu giác ngộ là nói đến bốn tánh, bốn tánh là Bốn Giác. Thỉ - Bốn bắt nhị. Trong phần trên đã nói: Tánh - Tướng giống hệt như một. Vạn pháp là Tướng, bốn tâm là Tánh, Tánh và Tướng giống hệt như một, Thỉ và Bốn bắt nhị. Vì sao có

Thỉ Giác? Là vì Bồn Giác vốn có, vốn có thì đương nhiên có thể hiện tiền, có thể khôi phục; do mới vừa khôi phục nên chúng ta gọi nó là Thỉ Giác. Do vậy, tự tánh là giác, chẳng mê. Nó là giác ngộ, tức vốn sẵn giác ngộ. Do vậy, mới nói: “*Bồn Giác vốn có, bất giác vốn không*”. Lúc nào chúng ta sẽ bắt đầu giác ngộ? Hiện giờ có thể coi là chúng ta bắt đầu giác ngộ hay chưa? Phá một phần vô minh, chúng một phần bồn tánh, thì gọi là Thỉ Giác. Do vậy, ai thuộc địa vị Thỉ Giác? Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Đừng lầm lẫn tưởng là hiện nay chúng ta bắt đầu giác ngộ. Phiền não cả một đồng, giác ngộ nổi gì! Nay chúng ta chỉ nghe nói tới chuyện ấy mà thôi! Kiến Tư phiền não đã đoạn, Trần Sa phiền não đã đoạn, phá một phẩm vô minh, Thỉ Giác hiện tiền. Tiêu chuẩn ấy được kiến lập trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Đại Thừa Khởi Tín Luận nói [Thỉ Giác] là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, kinh Kim Cang cũng dạy như thế. Lấy tiêu chuẩn trong kinh Kim Cang để nói thì: Không có Tứ Tướng và Tứ Kiến thì là địa vị Thỉ Giác. Trong kinh nói rất rõ ràng: “*Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát*” (Nếu Bồ Tát có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ Tát). Chẳng phải là hạng Bồ Tát nào vậy? Chẳng phải là Bồ Tát thuộc địa vị Thỉ Giác. Quý vị phải hiểu đạo lý này, trong Lục Túc, [những vị Bồ Tát còn có Tứ Tướng, Tứ Kiến sẽ] chẳng phải là Phần Chứng Phật. Nếu quý vị nói là thuộc địa vị Tương Tự, địa vị Quán Hạnh, hoặc địa vị Danh Tự thì được.

Hiện thời, chúng ta đã thọ Bồ Tát Giới, đều có thể gọi là Bồ Tát, nhưng là Bồ Tát thuộc địa vị nào vậy? Bồ Tát thuộc địa vị Danh Tự, hữu danh vô thực, mang cái danh là Bồ Tát, chứ không phải thật. Bồ Tát chân chánh thì phải thuộc địa vị Thỉ Giác mới là Bồ Tát thật sự, phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, đó là chân [Bồ Tát]. Nói cách khác, trước khi đạt đến địa vị Thỉ Giác thì gọi là Quyền Giáo, từ Thỉ Giác trở đi mới gọi là Thật Giáo, là chân thật. Trước khi đạt đến địa vị Thỉ Giác là có, chẳng phải là không có². Địa vị Thập Tín Bồ Tát trong Viên Giáo cũng khá khó có. Hàng Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo phá tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, bằng với Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, địa vị Thất Tín bằng với A La Hán, tám mươi một phẩm Tư Hoặc cũng đoạn sạch. Khi ấy, gọi là Tương Tự Túc Bồ Tát. Chỉ đoạn Kiến Hoặc,

² Ý nói: Trước khi đạt đến địa vị Thỉ Giác thì vẫn có cái danh là Bồ Tát, nhưng vẫn còn vướng mắc trong Tứ Tướng và Tứ Kiến. Người ấy có giác ngộ chứ không phải chẳng có, nhưng sự giác ngộ ấy nhiều nhất chỉ là Chánh Giác (tương đương với Tiểu Thừa A La Hán), không thể nào là Chánh Đẳng Chánh Giác được!

chưa đoạn Tư Hoặc, thì là Bồ Tát thuộc địa vị Quán Hạnh, Kiến Tư phiền não đều đoạn sạch hết, là Bồ Tát thuộc địa vị Tương Tự. Thấy một phần chân tánh là Bồ Tát thuộc địa vị Phần Chứng. Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác gồm bốn mươi một địa vị, đều gọi là Bồ Tát thuộc địa vị Phần Chứng, tức Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Đẳng Chánh Giác nếu lại lên cao hơn nữa thì chính là Cứu Cánh Phật, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Do vậy, phải hiểu tiêu chuẩn của Thi Giác, chúng ta phải nỗ lực, phải noi theo phương hướng ấy để tinh tấn, dùng phương pháp nào? Một câu Phật hiệu. Dùng cái tâm nào? Nhất tâm niệm Phật câu nguyện vãng sanh. Dùng cái tâm ấy, phương pháp là một câu Phật hiệu. Quán Hạnh là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, từng tiếng [Phật hiệu] đều gọi mình từ trong cảnh giới hãy quay trở lại. Chúng ta mê nơi cảnh, bị cảnh giới xoay chuyển, kêu mình quay về, chính là Tam Quy Y. Trong hết cảnh giới, giác chứ chẳng mê, chánh chứ chẳng tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, đó là Phật pháp. Trong hết thấy cảnh giới, nêu quý vị khởi tâm động niệm, mê hoặc, tà kiến, ô nhiễm, thì thưa quý vị, trong mỗi niệm quý vị đều tạo nghiệp chướng, tạo tội nghiệp cực lớn mà quý vị chẳng hay biết! Quý vị nói quý vị chẳng sợ địa ngục, chẳng ở trong đó, “ta đọa địa ngục cũng chẳng sao!” Đây là cuồng vọng! Quý vị chưa ném nổi khổ ấy, đến khi đó chịu khổ, có hồi cũng chẳng kịp nữa! Con người đứng là mê hoặc, điên đảo! Nếu kẻ nào còn nghĩ như vậy, kinh Phật gọi kẻ ấy là Nhất Xiển Đề, không có thiện căn, không cứu được. Đây là hạng người đáng thương nhất!

(Diễn) Vô tri chi tri vị Chân Tri.

(演) 無知之知謂真知。

(Diễn: Cái Biết mà chẳng biết thì gọi là chân tri).

Tự tánh còn gọi là Chân Tri, Chân Tri là gì? Bát Nhã Ba La Mật. Bát Nhã vô tri, vì sao tuy vô tri mà có thể biết? Chúng tôi nêu một thí dụ: Tay tôi cầm cuốn sách này, quý vị thấy rất rõ ràng, đó là biết. Quý vị chẳng khởi phân biệt, chẳng nảy sanh ý niệm nào. Nếu quý vị nói: “Tay pháp sư cầm một cuốn kinh sách”, tức là trong sự nhận biết [hoàn toàn không khởi tâm động niệm ấy] quý vị đã lập ra [ý niệm] có nhận biết, đó gọi là “cái gốc của vô minh”. Khi nào khởi lên vô minh? Khởi lên vô minh ngay khi ấy. Quý vị thấy rõ ràng, rành rẽ, đó là Chân Tri. Sáu căn

vừa tiếp xúc [liên nhận biết, chẳng khởi tâm động niệm], ấy là Chân Tri. Đó chính là Bát Nhã Ba La Mật, là Phật tri, Phật kiến. Nếu quý vị khởi lên ý niệm “cái này gọi là một cuốn kinh sách”, hỏng rồi! Quý vị đã lập ra một tri kiến hư vọng trong ấy, vì sao? “*Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo, phi thường đạo*” (Có thể gọi tên được thì cái tên ấy chẳng phải là tên thường hằng, đạo mà có thể diễn tả được thì đạo ấy chẳng thường hằng). Vốn chẳng có tên gọi, vì sao quý vị lại đặt tên cho nó? Giữ lấy tên gọi là sai rồi! Nó không có tên gọi, quý vị gán cho nó một tên gọi, tức là trên sự tri kiến [vốn sẵn thanh tịnh] lại chồng thêm một cái tri kiến [phân biệt] nữa, đó gọi là vô minh. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (Từ trên sự nhận biết chân thật lập ra tri kiến, đây là cái gốc của vô minh). Vô minh là như vậy đó. Nếu đối với sự thấy, nghe, hay, biết, quý vị giữ được Chân Tri; nói cách khác, quý vị vĩnh viễn chẳng khởi phân biệt, chấp trước thì chính là Phật tri, Phật kiến.

Tự thụ dụng là Căn Bản Trí, nó là vô tri. Chính mình quả thật vô tri, vô tri là sự hay biết không do phân biệt, là sự hay biết không chấp trước, chứ chẳng phải là đối với cảnh giới chẳng biết gì hết, mà là thứ gì cũng biết. Biết hiện tại, biết quá khứ, biết vị lai, tận hư không, trọn pháp giới, không pháp nào chẳng biết, vô tri là gì? Trong [sự nhận biết] ấy, không có ngôn thuyết, không có danh tự, không có tâm duyên. Nói cách khác, không có chấp trước, không có vọng tưởng, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó là Chân Tri, thứ gì cũng đều biết. Đó gọi là Bát Nhã Ba La Mật.

Tha thụ dụng là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Không gì chẳng biết là đối với đại chúng mà nói. Quý vị gọi cái này là gì? Đây là một cuốn kinh sách, bởi quý vị gọi nó là kinh sách. Quý vị hỏi tôi: Đây là gì? [Tôi trả lời]: “Đây là một cuốn kinh sách”, chẳng phải là tôi chấp trước, mà là do quý vị chấp trước, chẳng liên can gì đến tôi. Tôi là như thế nào? Trong tâm không có gì hết. Do tôi không có gì hết, nên nói mà không nói. Đối với tôi thì bảo là “không nói”. Nói theo phía quý vị thì là “có nói”. Đối với quý vị là “có nói”, đối với tôi là “không nói”. “Có nói” và “không nói” đồng thời, tôi nói cho quý vị nghe, còn bản thân tôi một câu cũng chẳng nói. Thích Ca Mâu Ni Phật nói suốt bốn mươi chín năm, nhưng chẳng nói một câu nào! Tôi hằng ngày thuyết pháp cho quý vị, tôi cũng chẳng nói một câu nào. Thấu hiểu ý nghĩa này, quý vị sẽ hiểu Chân Tri là gì, Bát Nhã vô tri là gì, “không gì chẳng biết” là gì? Khi người khác đến hỏi, bèn tùy thuận sự chấp trước của chúng sanh mà chấp

trước, tùy thuận sự phân biệt của chúng sanh mà phân biệt, chính mình hoàn toàn chẳng phân biệt, chấp trước. Đó gọi là “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, đó gọi là “*Bát Nhã vô tri mà không gì chẳng biết*”.

Trong các buổi giảng, tôi thường khích lệ các đồng tu: Tự thụ dụng phải thanh tịnh, đề chính mình thụ dụng thì đừng phân biệt, còn đề người khác thụ dụng thì phải phân biệt. Nếu thật sự có thể làm được như vậy, tự thụ dụng sẽ là Tứ Trí, tha thụ dụng là tám thức. Người khác đến nêu câu hỏi, sẽ từ trong bốn trí biến hiện tám thức cho người khác thụ dụng, chứ chính mình không thụ dụng. Người ta thụ dụng xong, ngay lập tức không có nữa, khôi phục bốn trí Bồ Đề. Trong ấy, Tự và Tha không hai, Thức và Trí chẳng khác. Nếu quý vị hiểu được điều này, lẽ nào chẳng chuyển được cảnh giới? Lẽ nào chẳng phá mê khai ngộ?

Vô tri mà vẫn hay biết chính là Chân Tri. “Vô tri” là không phân biệt, không chấp trước, không vọng tưởng, chứ không phải là chẳng biết gì. Chân Tri là sáu căn tiếp xúc sáu cảnh chẳng vướng mắc hư vọng, “kiến” là cái Thấy có thể thấy được tánh; “văn” là cái Nghe có thể nghe được tánh, đây chính là như Giao Quang đại sư đã viết trong [sách chú giải] kinh Lăng Nghiêm: “*Bổ Thức dùng Căn*”, dùng Căn là Chiếu Kiến, Tâm Kinh bảo: “*Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”, dùng tánh Thấy để thấy, đó chính là Chiếu Kiến. Dùng tánh Nghe để nghe, đó cũng là Chiếu Kiến. Chiếu Kiến là Chân Tri.

(Diễn) Vô thức chi thức vị Chân Thức.

(演) 無識之識謂真識。

(Diễn: Cái thức mà chẳng nhận biết được gọi là Chân Thức).

Tự tánh còn có tên là Chân Thức. “Thức” là tám thức, Thể của tám thức là Chân Như bốn tánh. Chân Như bốn tánh có thể biến hiện tám thức, Chân Như bốn tánh gọi là Chân Thức. Các nhà Duy Thức dùng Chân Thức để lập ra khái niệm “*thức thứ chín*”, Huyền Trang đại sư không đồng ý. Ngài nói không cần phải làm vậy, bảo thức thứ chín là “*trên đầu chồng thêm đầu*”, nói tám thức là đủ rồi, chẳng cần phải nói tới thức thứ chín. Có người gọi Chân Như bốn tánh là thức thứ chín, đặt tên là Vô Cấu Thức, những người nghiên cứu Duy Thức Học đều biết Vô Cấu Thức là Chân Thức.

Xét về tác dụng của tám thức thì A Lại Da Thức chứa đựng chủng tử của các pháp. Nếu nó chẳng chứa đựng các chủng tử thì sẽ được gọi là

Đại Viên Kính Trí. Chúng tôi nói một cách dễ hiểu, nông cạn thì “*hàm tàng chủng tử*” (chứa đựng chủng tử) là “*giữ lại ấn tượng*”. Nay sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, có thể không giữ lại ấn tượng, trong tâm chẳng giữ lại ấn tượng, dùng cái tâm giống như một tấm gương: Tướng đưa đến, gương bèn hiện bóng rõ ràng; tướng đi rồi, gương chẳng nhiễm mây trần. Không những tướng đi rồi chẳng nhiễm mà ngay trong khi tướng đang hiện diện, gương cũng chẳng nhiễm, tức là lúc hiện tướng cũng chẳng nhiễm, chẳng giữ lại ấn tượng; sự thấy nghe nơi sáu căn của quý vị hoàn toàn biến thành trí huệ, vô lượng vô biên trí huệ, chẳng sanh phiền não. Quý vị thấy một chuyện bèn ghi giữ ấn tượng trong lòng, vẫn niệm niệm chẳng quên nghĩ tới nó, hồng bát rồi! Nếu có thể chẳng giữ lại ấn tượng, “*tức tướng ly tướng, ly tức đồng thời*” (tướng chính là lia tướng, “chính là” và “lia” cùng một lúc). Đây là Chân Thức. Thức thứ bảy không chấp trước, thức thứ sáu không phân biệt; thức thứ sáu không phân biệt thì gọi là Diệu Quán Sát, thức thứ bảy chẳng chấp trước thì gọi là Bình Đẳng Tánh. Tác dụng của năm thức trước là không có chuyện gì chẳng làm viên mãn, [nên gọi] là Thành Sở Tác, có nghĩa là thành tựu các sự nghiệp đã thực hiện. Sự nghiệp ấy chính là lợi ích hết thấy chúng sanh, đại từ đại bi, làm mà chẳng làm, không làm mà làm, lẽ nào người ấy chẳng tự tại?

(Diễn) Vô hữu hư vọng, vô hữu biến dị, danh viết Chân Như.

(演) 無有虛妄，無有變異，名曰真如。

(Diễn: Chẳng có hư vọng, chẳng có biến đổi thì gọi là Chân Như).

Tám chữ này không cần phải giải thích, vì Chân Như đã giảng rất nhiều rồi! Những danh từ khác so ra ít được nhắc tới hơn, nên ở đây tôi giải thích cặn kẽ cùng quý vị. Nếu quý vị thật sự thấu hiểu được một danh từ trong những danh từ này sẽ thấu hiểu toàn bộ. Nếu hoài nghi một danh từ nào, tức là quý vị chẳng hiểu toàn bộ. Hiểu một thứ sẽ hiểu hết, chẳng hiểu một thứ sẽ chẳng hiểu toàn bộ. Hôm nay hết giờ rồi!